

TẬP DOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

Số: **1529** /DLTKV-KTTC
V/v: công bố BCTC bán niên sau soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường Dịch
Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Thế Hồng, Phó chánh
Văn phòng, Thư ký HĐQT Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (theo Văn bản ủy
quyền số 762/UQ-DLTKV ngày 05/5/2016).

Địa chỉ: SN 66 ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận
Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0912 217 216

Số CMTND: 012029799 Ngày cấp: 16/5/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội.

Email: hongnt@vinacominpower.vn

- Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên sau soát xét cho kỳ
tài chính bắt đầu từ 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- HĐQT, BKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGD;
- Các ban: TC, KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VP, KTTC, H(12).



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019
và kết thúc vào ngày 30/06/2019



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 54

40840-C
CÔNG TY
HỮU H
TKV
T NAM
- 15

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2019 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ông Ngô Trí Thịnh | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Hoàng Phó Hiềng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Minh Tân | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Xuân Phong | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Trung Thực | Phó Tổng Giám đốc (từ ngày (i)
26/3/2019) |

- (i) Theo Quyết định số 555/QĐ-ĐLTKV ngày 20/3/2019 về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| - Ông Phạm Văn Thường | Trưởng ban kiểm soát |
| - Bà Bùi Tố Uyên | Thành viên ban kiểm soát |
| - Bà Bùi Thu Thái | Thành viên ban kiểm soát |

3. Trụ sở

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, Tổng Công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

Đơn vị trực thuộc

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty con

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Vốn góp của Tổng Công ty</i>	<i>Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2019</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV</i>	<i>1.757.179.069.334</i>	<i>89,21%</i>	<i>89,21%</i>
<i>Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV</i>	<i>124.279.500.000</i>	<i>88,77%</i>	<i>88,77%</i>

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Ngày 07/01/2019, Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 28/QĐ-TKV phê duyệt quyết toán công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 30/06/2019 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

Số: 29 /2019/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được lập ngày 15/08/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 9 đến trang 54 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

34
CỘNG HÒA
P
HỆ
YU

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0740-2018-242-1

540-
TY
HỮU
F
NAM
4-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN NGẮN HẠN	Mã số	TM	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.873.234.138.591	3.878.860.483.746
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	337.474.126.397	371.544.949.314
Tiền	111		100.394.715.438	68.544.949.314
Các khoản tương đương tiền	112		237.079.410.959	303.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.223.973.310.165	3.253.970.171.959
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.176.858.792.671	3.226.054.518.956
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.822.816.071	2.775.742.020
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	33.480.987.077	25.322.056.143
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(612.968.471)	(605.827.977)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		423.682.817	423.682.817
Hàng tồn kho	140	5.6	239.736.082.382	177.710.613.027
Hàng tồn kho	141		240.057.906.330	178.032.436.975
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(321.823.948)	(321.823.948)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.050.619.647	75.634.749.446
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	12.157.421.074	4.640.821.159
Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.384.563.152	70.711.956.803
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	508.635.421	281.971.484
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.383.224.153.681	20.516.707.692.950
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.573.677.378	8.361.053.378
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	9.573.677.378	8.361.053.378
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		17.051.270.602.858	18.007.614.307.741
TSCĐ hữu hình	221	5.8	17.010.530.982.671	17.966.175.213.899
- Nguyên giá	222		33.235.235.840.514	33.231.376.959.189
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.224.704.857.843)	(15.265.201.745.290)
TSCĐ vô hình	227	5.9	40.739.620.187	41.439.093.842
- Nguyên giá	228		49.918.621.728	48.916.020.728
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.179.001.541)	(7.476.926.886)
Tài sản dở dang dài hạn	240		71.654.868.145	73.596.749.998
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	71.654.868.145	73.596.749.998
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.224.938.734.159	1.223.496.734.159
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.442.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.025.786.271.141	1.203.638.847.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	848.552.905.851	1.024.282.284.224
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		177.233.365.290	179.356.563.450
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		23.256.458.292.272	24.395.568.176.696

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.602.478.466.235	17.046.875.810.255
Nợ ngắn hạn	310		6.553.284.033.529	6.913.724.278.758
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.812.689.931.082	2.583.892.842.941
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		638.701.500	38.705.020
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	99.867.020.162	117.167.629.424
Phải trả người lao động	314		73.228.950.891	87.308.770.471
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	684.948.594.509	650.919.372.980
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.178.718.000	
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	21.464.373.602	180.667.897.483
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.792.597.248.843	3.265.561.701.117
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.490.877.204	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.179.617.736	28.167.358.772
Nợ dài hạn	330		9.049.194.432.706	10.133.151.531.497
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	401.611.149.416	399.805.189.215
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	8.462.020.611.182	9.541.483.769.818
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		185.562.672.108	191.862.572.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.653.979.826.037	7.348.692.366.441
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	7.649.531.736.854	7.343.750.045.126
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.641.458	16.641.257
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.848.203.592)	(1.848.203.592)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		20.278.275.441	20.278.070.151
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		711.845.209.811	410.192.624.347
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		369.575.715.721	(88.467.798.205)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		342.269.494.090	498.660.422.552
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		119.239.813.736	115.110.912.963
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.448.089.183	4.942.321.315
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		4.448.089.183	4.942.321.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		23.256.458.292.272	24.395.568.176.696

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.543.670.327.829	5.819.683.992.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.2	6.543.670.327.829	5.819.683.992.606
Giá vốn hàng bán	11	6.3	5.526.243.117.628	4.943.104.891.234
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.017.427.210.201	876.579.101.372
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	32.749.946.833	15.676.075.831
Chi phí tài chính	22	6.5	537.898.543.590	501.231.235.010
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		350.871.102.121	381.186.244.339
Chi phí bán hàng	25	6.8	1.232.119.333	1.072.872.327
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	128.947.268.368	99.087.432.193
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		382.099.225.743	290.863.637.673
Thu nhập khác	31	6.6	7.801.491.017	308.137.201
Chi phí khác	32	6.7	2.011.087.234	647.798.514
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.790.403.783	(339.661.313)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		387.889.629.526	290.523.976.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	47.231.213.807	12.348.592.517
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.299.900.356)	8.977.356.901
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		346.958.316.075	269.198.026.942
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		342.269.494.090	290.125.071.923
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		4.688.821.985	(20.927.044.981)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	503	427

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		387.889.629.526	290.523.976.360
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		961.058.294.776	969.630.437.768
Các khoản dự phòng	03		7.056.017.698	(86.016.523.520)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		179.501.398.700	124.531.181.238
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.049.172.765)	(15.640.228.502)
Chi phí lãi vay	06		350.871.102.121	381.186.244.339
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.854.327.270.056	1.664.215.087.683
Tăng, Giảm các khoản phải thu	09		(580.939.213.353)	(41.806.652.827)
Tăng, Giảm hàng tồn kho	10		(59.902.271.195)	(28.163.213.375)
Tăng, Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		684.227.355.113	(103.449.920.842)
Tăng, Giảm chi phí trả trước	12		35.982.610.686	71.891.358.608
Tiền lãi vay đã trả	14		(316.342.334.791)	(239.102.992.478)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.645.804.422)	(413.904.592)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.748.092.299	2.465.330.830
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.592.487.727)	(13.029.631.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.579.863.216.666	1.312.605.461.124
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21		(54.615.158.675)	(25.938.708.522)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(59.931.321.120)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.749.946.833	(12.804.601.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.865.211.842)	(98.674.631.341)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.152.933.377.236	1.184.886.394.945
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(2.744.469.103.168)	(2.140.170.698.341)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(533.138.500)	(331.278.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.592.068.864.432)	(955.615.581.396)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(34.070.859.608)	258.315.248.387
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		371.544.949.314	103.747.498.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.691	125.554
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		337.474.126.397	362.062.872.092

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
	Cộng	680.000.000	100%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

Đơn vị trực thuộc

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

3440
CÔNG
H NHIỆT
PK
IẾT I
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
2. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

Tên công ty	Vốn góp của Tổng Công ty	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2019	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.757.179.069.334	89,21%	89,21%
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	124.279.500.000	88,77%	88,77%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Phần sở



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

của Tổng Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn được thực hiện theo Công văn số 3513/TKV-KTTC ngày 11/07/2019 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.230 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

344G
CÔNG
H NHIỆ
PK
VIỆT
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thì "Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm".

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.5 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

40-C
TY
HUU
T
NAM
-TS

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá: được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 3 - 20 năm |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

- | | |
|---------------------------------|-----------|
| - Thiết bị dụng cụ, quản lý | 3 - 6 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 10 năm |

4.7.2 Tài sản cố định vô hình

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

- | | |
|--------------------------------|------------|
| - Phần mềm máy tính | 3 - 6 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 8 - 50 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác | 6 năm |

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ không quá 5 năm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 16/07/2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2019	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
Cộng	680.000.000	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.17 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

4.18 Thuế

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp: thể hiện tổng giá trị của số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4406
CÔNG T
PHIẾM
KE
T NA
AN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và tương đương tiền**

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	649.725.089	1.078.999.075
Tiền gửi ngân hàng (ii)	99.744.990.349	67.465.950.239
Các khoản tương đương tiền (iii)	237.079.410.959	303.000.000.000
Cộng	<u>337.474.126.397</u>	<u>371.544.949.314</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		649.725.089
Cộng		<u>649.725.089</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	475,30 #	11.041.202
Đồng Việt Nam		99.733.949.147
Cộng		<u>99.744.990.349</u>
 (iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		237.079.410.959
Cộng		<u>237.079.410.959</u>

HẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THẠM - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ÔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.224.938.734.159	1.223.496.734.159	(1.442.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác:	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.224.938.734.159	1.223.496.734.159	(1.442.000.000)
- Công ty TNHH Điện lực Vinh Tân	386.597.424.159	386.597.424.159	-	386.597.424.159	386.597.424.159	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	-	360.500.000.000	359.058.000.000	(1.442.000.000)
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	-	477.841.310.000	477.841.310.000	-
Cộng	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.224.938.734.159	1.223.496.734.159	(1.442.000.000)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty mà Tổng công ty góp vốn tại ngày 30/06/2019

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Điện lực Vinh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	3.176.858.792.671	3.226.054.518.956
Công ty Mua bán điện	3.174.279.927.106	3.210.381.372.766
Các khách hàng khác	2.578.865.565	15.673.146.190
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.176.858.792.671	3.226.054.518.956

Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

5.4 Phải thu khác

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	33.480.987.077	(65.288.271)	25.322.056.143	(55.731.000)
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Tạm ứng	767.796.800	-	743.199.948	-
Phải thu người LĐ	1.063.179.548	-	853.861.174	-
Phải thu khác (i)	31.650.010.729	(65.288.271)	23.724.995.021	(55.731.000)
b. Dài hạn	9.573.677.378	-	8.361.053.378	-
Ký cược, ký quỹ	9.573.677.378	-	8.361.053.378	-
Cộng	43.054.664.455	(65.288.271)	33.683.109.521	(55.731.000)

(i) Phải thu khác tại ngày 30/06/2019 bao gồm:

	30/06/2019 (VND)
Phải thu tiền vật tư nhà thầu SEFCO	4.670.345.669
Lãi ký quỹ ngắn hạn	1.085.801.331
Các khoản khác	25.893.863.729
Cộng	31.650.010.729

Phải thu khác là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

331344
 CÔNG
 TỊCH NH
 PI
 VIỆT
 XUA

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.5 Nợ xấu

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	628.373.917	15.405.446	612.549.324	6.721.347
Từ 3 năm trở lên	590.144.831	-	590.144.831	-
Điện lực Thái Nguyên	13.621.000	-	13.621.000	-
Vụ Năng lượng - Bộ Công thương	42.110.000	-	42.110.000	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Á Châu	459.574.000	-	459.574.000	-
Trung tâm nghiên cứu, TK ứng dụng CN mới	72.660.000	-	72.660.000	-
Đối tượng khác	2.179.831	-	2.179.831	-
Từ 2 đến 3 năm	22.404.493	3.537.001	22.404.493	6.721.347
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	18.172.000	2.725.800	-	-
Cán bộ CNV nghỉ việc	3.056.971	458.545	-	-
Đối tượng khác	1.175.522	352.656	22.404.493	6.721.347
Từ 1 đến 2 năm	15.824.593	11.868.445	-	-
Cán bộ CNV nghỉ việc	15.824.593	11.868.445	-	-

0640
 3 TY
 M HỮU
 F
 NAM
 2-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	198.588.661.019	(321.823.948)
Công cụ, dụng cụ	21.100.200.762	-
Chi phí SXKD dở dang	15.788.657.135	-
Thành phẩm	4.580.387.414	-
Cộng	240.057.906.330	(321.823.948)

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	64.575.840.499	61.308.202.784
Xây dựng bãi thải xỉ NMMĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)	23.659.039.307	22.035.262.307
Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	29.400.328.849	28.982.665.777
Dự án khác	11.516.472.343	10.290.274.700
- Chi phí sửa chữa lớn	7.079.027.646	12.288.547.214
Cộng	71.654.868.145	73.596.749.998

ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
NG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 tại chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiên trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	9.238.266.356.010	23.334.368.882.211	336.284.644.453	55.365.509.329	267.091.567.186	33.231.376.959.189
- Mua trong kỳ	1.188.139.496	916.568.686	-	-	-	2.104.708.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	135.806.301	1.452.762.296	-	-	165.604.546	1.754.173.143
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.239.590.301.807	23.336.738.213.193	336.284.644.453	55.365.509.329	267.257.171.732	33.235.235.840.514
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	2.436.835.219.344	12.302.454.559.308	268.527.980.453	51.566.312.923	205.817.673.262	15.265.201.745.290
- Khấu hao trong kỳ	219.347.461.600	712.389.441.632	10.181.337.426	897.362.903	16.540.616.560	959.356.220.121
- Hao mòn trong kỳ	146.892.432	-	-	-	-	146.892.432
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.656.329.573.376	13.014.844.000.940	278.709.317.879	52.463.675.826	222.358.289.822	16.224.704.857.843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	6.801.431.136.666	11.031.914.322.903	67.756.664.000	3.799.196.406	61.273.893.924	17.966.175.213.899
Tại ngày cuối kỳ	6.583.260.728.431	10.321.894.212.253	57.575.326.574	2.901.833.503	44.898.881.910	17.010.530.982.671

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý;

6.291.917.440.728
 1.525.616.188.754
 12.324.121.940

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	40.103.670.920	8.282.748.811	529.600.997	48.916.020.728
- Mua trong kỳ	-	878.393.000	-	878.393.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	124.208.000	-	-	124.208.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	40.227.878.920	9.161.141.811	529.600.997	49.918.621.728
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	3.934.757.365	3.344.113.556	198.055.965	7.476.926.886
- Khấu hao trong kỳ	768.793.114	869.851.239	63.430.302	1.702.074.655
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.703.550.479	4.213.964.795	261.486.267	9.179.001.541
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	<u>36.168.913.555</u>	<u>4.938.635.255</u>	<u>331.545.032</u>	<u>41.439.093.842</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>35.524.328.441</u>	<u>4.947.177.016</u>	<u>268.114.730</u>	<u>40.739.620.187</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.652.625.579



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.10 Chi phí trả trước

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
a. Ngắn hạn	12.157.421.074	4.640.821.159
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.932.677.616	2.239.215.091
Chi phí bảo hiểm	6.630.583.222	528.702.498
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.594.160.236	1.872.903.570
b. Dài hạn	848.552.905.851	1.024.282.284.224
Chi phí bảo hiểm	-	-
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	20.698.661.444	21.919.121.007
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	110.046.772.252	146.797.851.474
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	27.549.980.887	28.092.521.711
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ không quá 5 năm	678.779.718.061	817.185.315.360
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.477.773.207	10.287.474.672
Cộng	<u>860.710.326.925</u>	<u>1.028.923.105.383</u>

34406
ÔNG
NHIỆM
PKI
ỆT N
UẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.812.689.931.082	2.812.689.931.082	2.583.892.842.941	2.583.892.842.941
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.852.667.120.624	1.852.667.120.624	1.460.276.726.038	1.460.276.726.038
Tổng Công ty Đông Bắc	121.578.867.116	121.578.867.116	100.868.023.672	100.868.023.672
Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	14.937.986.967	14.937.986.967	51.232.927.877	51.232.927.877
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng Công ty Sông Đà	410.000.688.203	410.000.688.203	451.193.407.652	451.193.407.652
Nhà thầu Tổng Công ty thiết bị nặng Trung Quốc (DA NS)	142.911.445.074	142.911.445.074	142.879.245.824	142.879.245.824
Tập đoàn EVN	41.542.550.920	41.542.550.920	26.327.512.167	26.327.512.167
CN TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	1.722.162.357	1.722.162.357	25.116.891.344	25.116.891.344
Phải trả các đối tượng khác	227.329.109.821	227.329.109.821	325.998.108.367	325.998.108.367
Các khoản phải trả người bán dài hạn	401.611.149.416	401.611.149.416	399.805.189.215	399.805.189.215
Nhà thầu SFECO	401.611.149.416	401.611.149.416	399.805.189.215	399.805.189.215
Cộng	3.214.301.080.498	3.214.301.080.498	2.983.698.032.156	2.983.698.032.156

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.12 Vay và nợ thuế tài chính

	01/01/2019 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a.						
a.1						
Gốc vay và nợ ngắn hạn	486.610.813.627	486.610.813.627	1.077.379.651.672	1.126.781.230.288	437.209.235.011	437.209.235.011
Gốc vay ngắn hạn	486.610.813.627	486.610.813.627	1.077.379.651.672	1.126.781.230.288	437.209.235.011	437.209.235.011
Vay ngân hàng	480.110.813.627	480.110.813.627	1.077.379.651.672	1.126.111.230.288	431.379.235.011	431.379.235.011
Vay đối tượng khác	6.500.000.000	6.500.000.000	-	670.000.000	5.830.000.000	5.830.000.000
a.2						
Gốc nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b.						
Gốc vay và nợ dài hạn	12.320.434.657.908	12.320.434.657.908	114.645.714.422	1.617.671.747.316	10.817.408.625.014	10.817.408.625.014
b.1						
Gốc vay dài hạn	10.912.585.057.908	10.912.585.057.908	114.108.114.422	1.167.671.747.316	9.859.021.425.014	9.859.021.425.014
Từ 1 năm đến 5 năm	24.806.002.500	24.806.002.500	-	5.951.420.000	18.854.582.500	18.854.582.500
Vay ngân hàng	24.806.002.500	24.806.002.500	-	5.951.420.000	18.854.582.500	18.854.582.500
Trên 5 năm	10.887.779.055.408	10.887.779.055.408	114.108.114.422	1.161.720.327.316	9.840.166.842.514	9.840.166.842.514
Vay ngân hàng	4.975.439.203.126	4.975.439.203.126	88.702.771.872	545.234.429.259	4.518.907.545.739	4.518.907.545.739
Vay Tập đoàn	5.912.339.852.282	5.912.339.852.282	25.405.342.550	616.485.898.057	5.321.259.296.775	5.321.259.296.775
b.2						
Gốc nợ dài hạn	1.407.849.600.000	1.407.849.600.000	537.600.000	450.000.000.000	958.387.200.000	958.387.200.000
Từ 5 năm đến 10 năm	1.407.849.600.000	1.407.849.600.000	537.600.000	450.000.000.000	958.387.200.000	958.387.200.000
Trái phiếu phát hành (*)	1.407.849.600.000	1.407.849.600.000	537.600.000	450.000.000.000	958.387.200.000	958.387.200.000
Cộng	12.807.045.471.535	12.807.045.471.535	1.192.025.366.094	2.744.452.977.604	11.254.617.860.025	11.254.617.860.025

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	01/01/2019 (VND)		30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	2.778.950.888.090	2.778.950.888.090	2.355.388.013.832	2.355.388.013.832
c.1 Vay dài hạn đến hạn trả	2.328.950.888.090	2.328.950.888.090	2.355.388.013.832	2.355.388.013.832
Vay ngân hàng	998.728.700.332	998.728.700.332	834.044.747.244	834.044.747.244
Vay Tập đoàn	1.330.222.187.758	1.330.222.187.758	1.521.343.266.588	1.521.343.266.588
c.2 Nợ dài hạn đến hạn trả	450.000.000.000	450.000.000.000	-	-
Vay ngân hàng	450.000.000.000	450.000.000.000	-	-
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	12.807.045.471.535	12.807.045.471.535	11.254.617.860.025	11.254.617.860.025
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	3.265.561.701.717	3.265.561.701.717	2.792.597.248.843	2.792.597.248.843
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	9.541.483.769.818	9.541.483.769.818	8.462.020.611.182	8.462.020.611.182

Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

(*) Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30/06/2019 gồm:

- Trái phiếu phát hành năm 2015:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;

+ Lãi suất các năm sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, năm hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

- Trái phiếu phát hành năm 2018:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 400.000.000.000 tỷ đồng (Bốn trăm tỷ đồng) được đảm bảo bằng tài sản. Phát hành ngày 31/7/2018 và đáo hạn ngày 31/7/2025. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Trái chủ (Ngân hàng TMCP Tiên Phong) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 31 tháng 7 năm 2018 cho đến nhưng không bao gồm ngày 31 tháng 7 năm 2025 (ngày đáo hạn) và được trả 6 tháng 1 lần vào ngày 31/7 và 31/1 hàng năm với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất kỳ đầu tiên là 9,8%/năm.

+ Lãi suất các kỳ sau tổng của 3,1%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, áp dụng với cá nhân, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân công bố tại trang Web của 04 ngân hàng lớn của Việt nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam vào 11h00 tại ngày xác định lãi suất.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	57.162.354.530	206.012.045.970	223.103.839.454	40.070.561.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.645.804.422	47.231.213.807	40.645.804.422	47.231.213.807
Thuế thu nhập cá nhân	773.560.544	1.913.142.775	2.495.963.608	190.739.711
Thuế tài nguyên	12.298.201.791	31.565.551.072	36.764.060.715	7.099.692.148
Thuế đất và tiền thuê đất	-	3.854.992.803	3.854.992.803	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.287.708.137	18.013.687.590	19.026.582.277	5.274.813.450
Cộng	117.167.629.424	308.590.634.017	325.891.243.279	99.867.020.162
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	234.929.011	-	245.307.010	480.236.021
Các loại thuế khác	26.808.791	-	-	26.808.791
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.233.682	18.643.073	-	1.590.609
Cộng	281.971.484	18.643.073	245.307.010	508.635.421

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.14 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Ngắn hạn	684.948.594.509	650.919.372.980
Chi phí lãi vay phải trả	614.077.563.863	587.920.419.125
Lãi chậm trả tiền than	45.502.909.482	50.318.735.542
Chi phí phải trả khác	25.368.121.164	12.680.218.313
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>684.948.594.509</u>	<u>650.919.372.980</u>

Chi phí phải trả là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

5.15 Phải trả khác

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Ngắn hạn	21.464.373.602	180.667.897.433
Thưởng an toàn điện	7.626.339.864	8.767.960.900
Nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	-	161.017.850.859
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	3.553.904.509	123.000.000
Các khoản khác	5.961.695.153	6.436.651.598
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>21.464.373.602</u>	<u>180.667.897.433</u>

Phải trả khác là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.



QUYẾT ĐỊNH MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại TS		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		LICB không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	6.800.000.000.000	16.641.257	(1.848.203.592)	17.008.644.504	222.694.256.477	150.858.950.308	7.188.730.288.954						
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	3.269.425.647	-	-	-	-	-	-	-	-	3.269.425.647
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	498.660.422.552	(35.719.477.607)	462.940.944.945					
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(311.162.054.682)	(28.559.738)	(311.190.614.420)					
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	6.800.000.000.000	16.641.257	(1.848.203.592)	20.278.070.151	410.192.624.347	115.110.912.963	7.343.750.045.126						
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	201	-	205.290	-	-	-	-	-	-	-	-	205.491
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	342.269.494.090	4.688.821.985	346.958.316.075					
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(40.616.908.626)	(559.921.212)	(41.176.829.838)					
Số dư cuối kỳ	6.800.000.000.000	16.641.458	(1.848.203.592)	20.278.275.441	711.845.209.811	119.239.813.736	7.649.531.736.854						

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	21.915.000.000
Cộng	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/06/2018</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong kỳ	-	-
Vốn giảm trong kỳ	-	-
Vốn cuối kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	533.138.500	331.278.000

Cổ phiếu

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng CP đăng ký phát hành	680.000.000	680.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.543.670.327.829	5.819.683.992.606
Doanh thu bán than	92.340.971.760	83.113.066.110
Doanh thu bán điện	6.438.577.562.636	5.725.436.783.226
Doanh thu khác	12.751.793.433	11.134.143.270

6.2 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.543.670.327.829	5.819.683.992.606
Doanh thu thuần bán than	92.340.971.760	83.113.066.110
Doanh thu thuần bán điện	6.438.577.562.636	5.725.436.783.226
Doanh thu thuần khác	12.751.793.433	11.134.143.270

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Giá vốn than bán	52.638.609.944	45.988.138.609
Giá vốn điện	5.469.208.864.108	4.888.332.180.859
Giá vốn khác	4.395.643.576	8.784.571.766
Cộng	5.526.243.117.628	4.943.104.891.234

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.011.672.765	3.022.602.948
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	27.037.500.000	12.617.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	520.410.862	35.972.883
Doanh thu tài chính khác	180.363.206	-
Cộng	32.749.946.833	15.676.075.831

4406
ÔNG T
HIỆM
PKI
T N
JAN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.228.471.158.281	3.681.652.976.847
Chi phí nhân công	201.841.744.157	167.375.043.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	959.909.809.132	969.630.437.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.301.718.852	105.669.417.324
Chi phí khác bằng tiền	150.364.961.763	124.691.091.013
Cộng	5.659.889.392.185	5.049.018.965.986

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	47.231.213.807
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Cộng	47.231.213.807

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	342.269.494.090
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	680.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	503

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	1.152.933.377.236 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.152.933.377.236 VND
7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	2.744.469.103.168 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	2.744.469.103.168 VND



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Tổng công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Tổng Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

34406
CÔNG
NHÌM
PKI
IỆT N
YUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2019			
Giá trị ghi số:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	337.474.126.397	-	337.474.126.397
Phải thu khách hàng	3.176.858.792.671	-	3.176.858.792.671
Đầu tư	-	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Phải thu khác	32.778.691.790	9.573.677.378	42.352.369.168
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(612.968.471)	-	(612.968.471)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	3.546.498.642.387	1.234.512.411.537	4.781.011.053.924
Ngày 30/06/2019			
Các khoản vay và nợ	2.792.597.248.843	8.462.020.611.182	11.254.617.860.025
Phải trả người bán	2.812.689.931.082	401.611.149.416	3.214.301.080.498
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	706.412.968.111	-	706.412.968.111
Tổng cộng	6.311.700.148.036	8.863.631.760.598	15.175.331.908.634
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.765.201.505.649)	(7.629.119.349.061)	(10.394.320.854.710)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2019	-	-	-
Giá trị ghi số:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	371.544.949.314	-	371.544.949.314
Phải thu khách hàng	3.226.054.518.956	-	3.226.054.518.956
Đầu tư	-	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Phải thu khác	25.322.056.143	8.361.053.378	33.683.109.521
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(605.827.977)	-	(605.827.977)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.442.000.000)	(1.442.000.000)
Tổng cộng	3.622.315.696.436	1.231.857.787.537	4.854.173.483.973
Ngày 01/01/2019			
Các khoản vay và nợ	3.265.561.701.717	9.541.483.769.818	12.807.045.471.535
Phải trả người bán	2.583.892.842.941	399.805.189.215	2.983.698.032.156
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	831.587.270.413	-	831.587.270.413
Tổng cộng	6.681.041.815.071	9.941.288.959.033	16.622.330.774.104
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.058.726.118.635)	(8.709.431.171.496)	(11.768.157.290.131)

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	3.176.858.792.671	3.226.054.518.956	3.176.383.772.471	3.225.582.224.556
<i>Các khoản PT khác</i>	42.352.369.168	33.683.109.521	42.287.080.897	33.625.238.641
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	337.474.126.397	371.544.949.314	337.474.126.397	371.544.949.314
Tổng cộng	3.556.685.288.236	3.631.282.577.791	3.556.144.979.765	3.630.752.412.511
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	11.254.617.860.025	12.807.045.471.535	11.254.617.860.025	12.807.045.471.535
Phải trả người bán	3.214.301.080.498	2.983.698.032.156	3.214.301.080.498	2.983.698.032.156
Phải trả khác	706.412.968.111	831.587.270.413	706.412.968.111	831.587.270.413
Tổng cộng	15.175.331.908.634	16.622.330.774.104	15.175.331.908.634	16.622.330.774.104

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.2 Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>				
Doanh thu	83.113.066.110	5.725.436.783.226	11.134.143.270	5.819.683.992.606
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	45.988.138.609	4.888.332.180.859	8.784.571.766	4.943.104.891.234
Lợi nhuận gộp	37.124.927.501	837.104.602.367	2.349.571.504	876.579.101.372
<u>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</u>				
Doanh thu	92.340.971.760	6.438.577.562.636	12.751.793.433	6.543.670.327.829
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	52.638.609.944	5.469.208.864.108	4.395.643.576	5.526.243.117.628
Lợi nhuận gộp	39.702.361.816	969.368.698.528	8.356.149.857	1.017.427.210.201

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.3 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Số dư tại ngày 30/06/2019 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua, bán với các bên liên quan.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập trong kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.791.486.416
Thù lao của Hội đồng Quản trị	540.650.000
Thù lao của Ban kiểm soát	404.650.000
Cộng	2.736.786.416

8.4 Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

PHỤ BIỂU 01

PHỤ ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Phụ biểu 01

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

ĐVT: VND

T	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
	B	1	2	3	4
	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Mua dịch vụ	216.156.700		-
	Công ty CP Vật tư - TKV	Mua vật tư, xăng dầu	39.111.552.925	Bán điện	855.008
	Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	Mua vật tư	1.805.010.000		-
	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc	Mua đá vôi	10.322.806.013	Bán điện	933.675.066
	Công ty CP Cơ điện Uông Bí	Dịch vụ sửa chữa	24.000.000		-
	Công ty CP Cơ khí Hòa Gai	Mua vật tư	102.890.000		-
	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	Mua vật tư	120.935.000		-
	Công ty CP Du lịch và thương mại - Vinacomin	Mua dịch vụ	2.721.136.364		-
	Công ty Kho vận Đá bạc - Vinacomin	Mua than	1.198.862.341.730		-
	Công ty Kho vận và cảng Cẩm phả	Mua than	2.429.596.006.793	Bán than, vận chuyển	92.874.735.163
	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Mua dịch vụ	186.977.550		-
	Tổng Công ty CN Hóa chất mỏ - Vinacomin	Mua hóa chất	3.656.522.780	Bán dầu thải	117.988.225
					-

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

ĐVT: VND

STT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
	B	1	2	3	4
3	Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua dịch vụ	117.285.712		-
4	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Mua dịch vụ	78.733.000		-
5	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ	1.616.825.500		-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

ÁP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/06/2019

Tên đơn vị		131	138	331	335	338	341	Đơn vị: VND
B		1	2	3	4	5	6	
A	NỢ PHẢI THU							
A	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN							
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	392.000.353	528.920.000	738.000.000	-	-	-	
2	Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	126.315.932	-	-	-	-	-	
3	Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc	-	-	300.000.000	-	-	-	
4	Viện Khoa học công nghệ mỏ	265.684.421	-	-	-	-	-	
5	Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin	-	528.920.000	78.000.000	-	-	-	
I	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN							
	CỘNG							
3	NỢ PHẢI TRẢ	392.000.353	528.920.000	738.000.000	-	-	-	
	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN							
	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	600.000.000	-	1.910.748.555.072	606.705.920.072	3.553.904.509	-	
	Công ty Kho vận đá bạc - Vinacomin	-	-	1.852.667.120.624	-	-	-	
	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	14.937.986.967	-	-	-	
	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	252.195.563	-	-	-	
	Công ty CP Vật tư - TKV	-	-	1.653.372.600	-	-	-	
	Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV	-	-	31.549.347.726	-	-	-	
	Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin	-	-	9.978.886	-	-	-	
	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	-	-	661.344.703	-	-	-	
	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	-	-	30.150.000	-	-	-	
	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	37.745.613	-	-	-	
	Công ty CP Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin	-	-	63.985.166	-	-	-	
		-	-	26.400.000	-	-	-	

thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



ẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ÔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

ịa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/06/2019

STT	Tên đơn vị	Cộng nợ						Đơn vị: VND
		131	138	331	335	338	341	
A	B	1	2	3	4	5	6	
2	Tập chí than khoáng sản	-	-	-	-	-	-	
3	Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV	-	-	43.758.649	-	-	-	
4	Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	83.300.000	-	-	-	
5	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	600.000.000	-	-	-	-	-	
6	Tổng công ty CN Hóa chất mỏ - Vinacomin	-	-	-	606.705.920.072	-	-	
7	Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc	-	-	634.175.300	-	-	-	
8	Công ty Tư vấn Quản lý dự án - Vinacomin	-	-	4.385.878.620	-	-	-	
9	Công ty CP Du lịch và TM - Vinacomin	-	-	519.308.455	-	-	-	
10	Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	-	2.682.225.000	-	-	-	
11	Công ty CP cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	-	-	397.102.200	-	-	-	
CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN		-	-	113.179.000	-	-	-	
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		-	-	-	-	-	-	
CỘNG		600.000.000	-	1.910.748.555.072	606.705.920.072	3.553.904.509	5.321.259.296.775	
		-	-	-	-	-	5.321.259.296.775	
		-	-	-	-	-	5.321.259.296.775	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh